

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 461/2024/TLST-DS, ngày 29 tháng 11 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

- Nguyễn Bá D, sinh năm 1957; địa chỉ ấp H, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long;

- Nguyễn Thị N, sinh năm 1945; Nguyễn Bá C, sinh năm 1964; cùng địa chỉ số A, đường P, khóm E, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho các nguyên đơn: Ung Văn H; địa chỉ số A, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/9/2024).

*** Bị đơn:** Nguyễn Bá M, sinh năm 1965; Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 1957; cùng địa chỉ số địa chỉ số A, đường P, khóm E, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau

1. Về nội dung

Giao toàn bộ di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn N2 và cụ Nguyễn Thị T chết để lại gồm quyền sử dụng đất thửa 68, tờ bản đồ 14, diện tích 150,8m², đất ở tại đô thị, tọa lạc tại khóm E, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 24/4/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V) và tài sản gắn liền với đất theo Biên bản định giá tài sản ngày 06/3/2025 cho bà Nguyễn Thị Tuyết N1 được toàn quyền sở hữu,

sử dụng. Bà **N1** có nghĩa vụ kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Bà **Nguyễn Thị Tuyết N1** có nghĩa vụ thòi lại tiền cho các ông, bà:

- Bà **Nguyễn Thị N** 416.915.000đ (Bốn trăm mười sáu triệu chín trăm mười lăm ngàn đồng);

- Ông **Nguyễn Bá D**, **Nguyễn Bá C** và **Nguyễn Bá M** mỗi người 301.600.000đ (Ba trăm lẻ một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: Ông **Nguyễn Bá D** tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng bằng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), ông **D** đã nộp đủ.

3. Về án phí

Ông **Nguyễn Bá M** chịu 7.540.000đ (Bảy triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các ông bà **Nguyễn Bá D**, **Nguyễn Thị N**, **Nguyễn Bá C** và **Nguyễn Thị Tuyết N1** được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND TPVL;
- Tòa án ND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THA DS TPVL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Tấn Thành